

# GIÁO DỤC CÁCH MẠNG ĐÔNG NAM BỘ THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC (1954 - 1975)

■ HUỲNH HỒNG HẠNH (\*)

## 1. Bối cảnh lịch sử Đông Nam Bộ sau năm 1954

Sau Hiệp định Giơnevơ 1954, đế quốc Mĩ nhảy vào xâm lược miền Nam Việt Nam, biến miền Nam thành thuộc địa kiểu mới. Bên cạnh các biện pháp quân sự, Mĩ và chính quyền Sài Gòn chủ trương tiêu diệt nền giáo dục cách mạng, bằng cách bình định đến đâu, lập ấp chiến lược đến đó, mở trường học để giành dân giữ dân, thực hiện dự án dạy tiếng Anh, thành lập nhiều tổ chức truyền bá văn hóa Mĩ như Hội Việt - Mĩ, Hội Văn hóa Á Châu..., tổ chức các lớp huấn luyện tu nghiệp cho giáo chức, học sinh... Ở vùng nông thôn, hệ thống trường học do chính quyền Sài Gòn xây dựng chỉ có bậc tiểu học, học sinh muốn học tiếp phải ra thị trấn, thị xã hoặc lên thành phố. Do đó, con em nhân dân lao động nghèo không có điều kiện đến trường, nhiều em trong độ tuổi đi học hoàn toàn không biết chữ.

Về phía ta, ngay sau năm 1954, Đảng đã bố trí nhiều cán bộ kháng chiến từ chiến khu trở về hoạt động trong lòng địch như trực tiếp giảng dạy tại các trường, hỗ trợ phong trào đấu tranh ở đô thị của nhiều tỉnh như Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, tiêu biểu là các thầy giáo Võ Văn Ấn, Nguyễn Văn Đường... ở trường Văn Lương (Bà Rịa), các thầy cô giáo Trần Văn Hoàn, Phan Thị Khê, Hồ Hảo Hớn, Lê Võ Dân... ở trường Đức Trí (Thủ Dầu Một)... Nối tiếp truyền thống giáo dục cách mạng trong kháng chiến chống

thực dân Pháp, những cán bộ này trên vị trí mới của mình đã đóng vai trò quan trọng trong việc truyền thụ kiến thức và tư tưởng yêu nước cho học sinh trong vùng địch kiểm soát.

Trong vùng căn cứ, các thầy cô giáo sống cùng với nhân dân để bảo toàn lực lượng, vận động nhân dân học tập vào ban đêm hoặc rút vào rừng, các chiến khu để học tập. Các lớp học cho trẻ em xóa mù chữ, các lớp bình dân học vụ được tổ chức ở các xóm, ấp theo phương châm “người biết chữ dạy người chưa biết chữ”.

Ở vùng giải phóng, trước sự đàn áp của địch, phong trào học tập văn hóa vẫn được duy trì, một số giáo viên kháng chiến và thanh niên có trình độ đứng ra mở lớp xóa mù chữ, bổ túc văn hóa cho cán bộ, nhân dân nhằm đấu tranh bảo vệ thành quả của nền giáo dục trong kháng chiến chống thực dân Pháp và góp phần xây dựng lực lượng cách mạng. “Giải phóng đến đâu, trường học mở đến đấy”, hoặc “Sáng giặc càn, chiều lớp phổ thông dạy, tối lớp bình dân bổ túc học”, hoặc “Dạy và học là yêu nước, chống Mỹ” là khẩu hiệu hành động của cán bộ, giáo viên<sup>(1)</sup>.

Trong những năm 1956 - 1959, chính quyền Ngô Đình Diệm đẩy mạnh chiến dịch “tố cộng”, “diệt cộng”. Trước hoàn cảnh khốc liệt đó, giáo dục cách mạng vẫn duy trì được cấp tiểu học ở vùng giải phóng rộng lớn như xã Long Nguyên, Thanh An, Thanh Tuyền, các

(\*) Tiến sĩ, Trường PTTH Chuyên Hùng Vương, TP.TDM - SĐT: 0919439517 - Email: hanhhh@sgdbinhduong.edu.vn

làng ở Dầu Tiếng, ba xã ở Tây Nam Bến Cát<sup>(2)</sup>. Nhân dân nhiều nơi ở vùng nông thôn mở trường lớp cho con em học. Nhiều địa phương tự mở lớp huấn luyện giáo viên, biên soạn sách giáo khoa dựa vào tài liệu và báo chí cách mạng. Giáo dục trong kháng chiến vẫn được duy trì.

Sau “Đồng khởi” năm 1960, miền Nam Việt Nam đã có vùng giải phóng rộng lớn. Dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, nhân dân miền Nam ngoài kết hợp đấu tranh quân sự với đấu tranh chính trị, công tác giáo dục thời kì này được tập trung định hướng để xây dựng và củng cố lực lượng quần chúng cách mạng, giữ đất, giành dân, củng cố vùng giải phóng. Mặc dù thời kì này chưa có bộ máy chỉ đạo, quản lý giáo dục; chưa có chương trình, sách giáo khoa riêng, nhưng giáo dục cách mạng ở vùng Đông Nam Bộ vẫn được duy trì. Dạy và học lúc bấy giờ chủ yếu được thực hiện bằng sự hiểu biết và kinh nghiệm của các thầy cô giáo. Về cơ bản, đã phát huy được thành quả giáo dục cách mạng trong kháng chiến chống Pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo dục cách mạng sau “Đồng khởi” phát triển mạnh mẽ hơn.

## 2. Phát triển giáo dục cách mạng Đông Nam Bộ thời kì 1961 - 1973

Sau Đồng khởi, các ủy ban tự quản được thành lập từ miền đến các địa phương, xã, ấp để điều hành mọi công việc của cuộc kháng chiến. Cùng với sự ra đời của chính quyền cách mạng, nhiều địa phương đã thành lập Ban giáo dục để chỉ đạo phong trào giáo dục. Với chủ trương “Giải phóng đến đâu, trường học mở đến đấy”, các xã, ấp do ta làm chủ hồ hởi mở lớp xóa mù chữ và bổ túc văn hóa. Xã nào, ấp nào giải phóng đều có trường lớp và đông đảo học sinh đi học. Trường lớp chủ yếu được xây dựng bằng tre, lá. Nội dung giảng dạy theo chương trình giáo dục cách mạng thời kỳ chống Pháp, nhất là đối với các môn Văn, Sử, Giáo dục công dân. Do sách giáo khoa thiếu, nên ở một số nơi, điển hình như ở Thủ Dầu Một có kết hợp sử dụng sách giáo khoa Toán, Đánh vần trong vùng địch tạm chiếm. Để nội dung dạy và học gắn với thực tiễn, giáo viên còn sử dụng một số bài báo, tin tức thời sự... truyền đạt cho học sinh.

Tháng 10/1962, thành lập Tiểu ban Giáo dục miền Nam (còn gọi là Tiểu ban Giáo dục R - gọi tắt là B3) để giúp Trung ương Cục miền Nam chỉ đạo và lãnh đạo công tác giáo dục. Sau đó, nhiều tiểu ban giáo dục được thành lập ở các địa phương. Với trình độ chuyên môn còn hạn chế, song, các cán bộ của các tiểu ban giáo dục ở Đông Nam Bộ đã nỗ lực chăm lo tổ chức trường, lớp, cung cấp sách vở, giải quyết nhu cầu học hành cho con em nhân dân. Ở Bình Dương và Tây Ninh có trường Văn Chính vừa học chính trị vừa học văn hóa.

Để phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, các trường học được tổ chức thành từng điểm nhỏ trong từng ấp, thuận tiện đi lại của giáo viên và học sinh, lớp học chủ yếu do nhân dân cho đất, đóng góp cây, lá và cùng nhau dựng nên, có lớp học được tổ chức từ trong nhà dân, tận dụng ngay chuồng trâu, chuồng bò hoặc dưới những tán cây to..., nơi nào có thể ngồi học được là tổ chức lớp học. Không khí học tập trong vùng giải phóng tuy còn nhiều khó khăn, gian khổ, thậm chí có lúc thầy trò đang trong giờ học phải chạy càn nhưng luôn tràn đầy lạc quan, phấn khởi. Mục tiêu của lớp học rất thiết thực và phù hợp với hoàn cảnh cụ thể là làm sao cho nhân dân, cán bộ, chiến sĩ biết đọc, biết viết. Thầy cô giáo là những thanh niên biết chữ tự nguyện tham gia giảng dạy. Sau giờ dạy học, các thầy cô giáo cùng nhân dân tham gia sản xuất.

Để đáp ứng nhu cầu giáo viên cho các địa phương, tháng 6/1963, tại khu rừng Hòa Hiệp, huyện Tân Biên (Tây Ninh), Tiểu ban Giáo dục Miền khai giảng Trường Giáo dục Tháng Tám với 107 học viên của các tỉnh Tây Ninh, Thủ Dầu Một, Bà Rịa, Long An, Sài Gòn - Gia Định... về dự. Từ tháng 9/1963 đến cuối năm 1964, Tiểu ban Giáo dục Miền đã mở 2 khóa “giáo dục tháng 8” đào tạo cán bộ giáo viên (số này phần lớn bổ sung vào Tiểu ban Giáo dục tỉnh)<sup>(3)</sup>. Sau khóa học, các thầy cô giáo về tổ chức lớp huấn luyện ở mỗi tỉnh, huyện để phổ biến về đường lối giáo dục của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam, như xây dựng một nền văn hóa giáo dục dân tộc, tiến bộ, xóa nạn mù chữ, mở mang trường học..., đồng thời giới thiệu những tài liệu học tập do Tiểu ban Giáo dục Miền biên soạn, như quyển Văn bình dân học vụ phục vụ cuộc kháng chiến chống Mĩ, Chương trình cấp I bổ túc văn hóa<sup>(4)</sup>... Tiêu biểu ở Thủ Dầu Một, sau khi học tập tại căn cứ R (Tây Ninh), các thầy cô giáo được phân công xuống các xã giải phóng trong tỉnh, xây dựng phong trào giáo dục ở vùng Bắc và Nam Bến Cát, mở lớp bồi dưỡng ngăn ngừa cho khoảng 52 giáo viên cấp I ở An Tây (15 giáo viên), Long Nguyên (15 giáo viên) và hai lớp tập trung ở Tiểu ban (22 giáo viên), chủ yếu bồi dưỡng phương pháp và nguyên tắc dạy học để đứng lớp.

Trong những năm 1965 - 1968, Mĩ và chính quyền Sài Gòn thất bại trong “Chiến tranh đặc biệt”, chuyển sang “Chiến tranh cục bộ”. Chiến tranh càng trở nên ác liệt. Với khẩu hiệu “Dân bám đất, giáo dục bám dân, giáo viên bám trường lớp”, các tiểu ban giáo dục ở Đông Nam Bộ nhanh chóng phân tán các điểm trường, lớp học cũng hết sức linh hoạt, như mỗi lớp từ 5, 10, 15 em, lớp học dưới hầm, lớp học theo dân, lớp học dưới những rặng cây, liếp dừa trong vườn của bà con nhân dân, có lớp học ban đêm, có lớp học ban ngày..., giáo viên và thanh niên học sinh được trang bị

vũ khí, giáo viên vừa là người dạy học vừa là người chỉ huy chiến đấu khi có địch càn, mỗi giáo viên, mỗi học sinh là một chiến sĩ, mỗi trường học, mỗi lớp học là một pháo đài chống Mĩ. Họ thật sự là những chiến sĩ trên mặt trận văn hóa giáo dục, trong “bom càn, pháo dội” vẫn bám trường, bám lớp, cố gắng âm thầm để thực hiện nhiệm vụ cao cả của mình, như thầy giáo Q. đã cao tuổi, bị thương tật, nhưng ngày ngày thầy vẫn bơi xuống rước học sinh đi học, cô giáo T. luôn luôn có mặt ở những nơi, những lúc khó khăn nhất để gây dựng phong trào, trường lớp, hay cô giáo H. bảo vệ học sinh an toàn trong lúc địch dội bom, bắn pháo, càn quét... đã nêu cao phẩm chất của người giáo viên cách mạng<sup>(5)</sup>. Ở rừng Chiến khu Đ, sau những đợt càn quét của địch, nhân dân vào rừng lập làng, đồn gỗ dựng trường lớp và tổ chức những lớp học.

Phong trào học tập sôi nổi ở Đông Nam Bộ trong thời kỳ này là biểu tượng, hình ảnh tốt đẹp của cách mạng trong những ngày chiến tranh ác liệt. Tiêu biểu, tại Thủ Dầu Một lúc cao điểm năm 1966 có 38 trường tiểu học với khoảng 120 giáo viên và 2.500 học sinh cả bổ túc văn hóa và bình dân học vụ. Xã nhiều nhất có vài điểm trường có từ 4 - 10 giáo viên, xã ít nhất cũng có 1 - 2 điểm trường và 3 - 5 giáo viên (cụ thể: Dầu Tiếng: 9 trường làng; Thanh An, Thanh Tuyên: 5 trường ấp; An Tây, Kiến An: 3 trường ấp; Phú An: 2 trường ấp; An Điền: 1 trường ấp; Long Nguyên: 6 trường ấp; Chánh Phú Hòa : 4 lớp ấp)<sup>(6)</sup>.

Xã An Nhơn Tây (thuộc quận Củ Chi, Gia Định), cách Sài Gòn 30 cây số, lại nằm trên lộ số 7 sát nách trung tâm huấn luyện Trung Hòa của địch, thường xuyên bị ruồng bố, phi pháo, bị lính địch thực tập dã ngoại, nhưng phong trào giáo dục vẫn phát triển mạnh. Tháng 7/1964, An Nhơn Tây chỉ có 240 học sinh, cuối năm 1965 đã có 719 học sinh, chiếm hơn 90% số trẻ em đến tuổi đi học trong xã<sup>(7)</sup>.

Phong trào giáo dục phát triển mạnh, đỉnh cao là năm 1965 - 1966. Trong chiến tranh ác liệt, nhiều trường lớp bị phá hủy, nhiều giáo viên, học sinh hy sinh, nhưng phong trào giáo dục vẫn được duy trì. Ngoài sách giáo khoa chung của miền, tiểu ban giáo dục các tỉnh Đông Nam Bộ còn lấy nội dung từ sách, báo cách mạng để biên soạn tài liệu giáo dục đạo đức cách mạng cho học sinh với tên gọi “Học báo”.

Cũng trong những năm kháng chiến, nhiều cán bộ, giáo viên miền Bắc đã chi viện vào miền Nam, cùng miền Nam phát triển sự nghiệp giáo dục. Cụ thể:

- 1964 - 1965: 88 đồng chí
- 1966: 111 đồng chí
- 1969: 208 đồng chí
- 1970: 93 đồng chí

- 1971: 6 đồng chí

**Tổng cộng: 506 đồng chí<sup>(8)</sup>**

Tháng 9/1972, Tiểu ban Giáo dục Miền đã đưa đoàn cán bộ về xây dựng Khu Giáo dục miền Đông Nam Bộ, do đồng chí Sáu Nguyễn (tức Nguyễn Văn Nguyễn) là Trưởng tiểu ban. Nhờ đó, ở miền Đông, tỉnh Bình Phước nơi có vùng giải phóng rộng lớn đã thành lập được Ty Giáo dục tỉnh.

Duy trì được phong trào giáo dục cách mạng trong thời kỳ này có tác dụng rất lớn, không những giúp cho con em nhân dân biết chữ, mà còn có ý nghĩa chính trị là góp phần giành dân, giữ dân với địch (con cái có chỗ học, cha mẹ yên tâm sản xuất, chiến đấu...). Mặc dù gặp nhiều khó khăn, song cả giáo viên và học sinh đều kiên trì bám trường, bám lớp, duy trì các lớp học xóa mù chữ, bổ túc văn hóa...

### 3. Hoạt động của giáo dục cách mạng Đông Nam Bộ trong những năm 1973 - 1975

Đầu năm 1973, thắng lợi của nhân dân ta với Hiệp định Pari đã tạo điều kiện cho giáo dục cách mạng phát triển mạnh. Vùng giải phóng ngày càng mở rộng, dân về sống ngày càng đông, các cấp ủy và các ban ngành, đoàn thể tỉnh, huyện, xã đã quan tâm tập trung xây dựng trường lớp, vận động con em đi học. Tiểu ban Giáo dục Thủ Dầu Một tiếp tục tổ chức các lớp dạy văn hóa cho con em cán bộ, liệt sĩ (13 em) trong vùng giải phóng (xã Thanh An, Dầu Tiếng) và mở trường dạy bổ túc văn hóa cho cán bộ ở các cơ quan. Lớp học được làm bằng tranh tre, nứa, lá. Thầy trò cùng nhau đào hầm, xây dựng căn cứ để tránh bom đạn<sup>(9)</sup>. Tại Tây Ninh, phong trào bổ túc văn hóa trong cơ quan và phong trào bình dân học vụ cũng phát triển mạnh, với 69 lớp, 68 giáo viên và 855 học viên. Trong huyện Gò Dầu còn có hai trường ở vùng lôm giải phóng Cây Trường và Cây Đa Sà giáp với ấp chiến lược của giặc<sup>(10)</sup>. Trường nội trú Hoàng Lê Kha lúc bấy giờ có 8 lớp học, 10 giáo viên và 146 học sinh. Năm 1973, tại Xóm Giữa, Tiểu ban Giáo dục Sài Gòn - Gia Định mở trường văn hóa Lê Văn Tám cho thiếu nhi. Trường có 94 học sinh có trình độ vỡ lòng cấp I. Phần đông học sinh của trường là con em cán bộ, chiến sĩ, nhưng do hoàn cảnh không được học đầy đủ<sup>(11)</sup>.

Sang năm 1975, Thường vụ Trung ương Cục ra chỉ thị 01/CT/75 ngày 27/1/1975 “*Phát triển mạnh mẽ sự nghiệp giáo dục ở vùng giải phóng*”<sup>(12)</sup>. Chỉ thị ra đời vào lúc quân và dân Đông Nam Bộ đang chuẩn bị cho cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, đã tăng thêm sinh khí cho phong trào giáo dục ở Đông Nam Bộ. Khắp nơi khẩn trương phát triển trường lớp, đào tạo cán bộ, giáo viên, chuẩn bị cho thời cơ mới.

**Bảng 1. Tình hình giáo dục trước ngày 30/4/1975 ở Đông Nam Bộ**

Các vùng giải phóng	Học sinh phổ thông			Học viên bình dân học vụ và bổ túc văn hóa		
	7/1972	1973	12/1974	7/1972	1973	12/1974
Tây Ninh, Đồng Nai, Sông Bé (Bình Dương, Bình Phước ngày nay)	900	600	15.000	300	900	–

*Ghi chú: Ký hiệu - là không có số liệu.*

**Nguồn:** Phạm Tất Dong (2010) *Giáo dục Việt Nam 1945 - 2010, tập 1, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.63.*

**Bảng 2. Số học sinh phổ thông cụ thể của các tỉnh Đông Nam Bộ năm 1974 - 1975**

Tỉnh	Cấp I	Cấp II	Cấp III
Thủ Dầu Một	47.090	15.080	2.856
Vũng Tàu	12.400	4.360	1.650
Bà Rịa - Long Khánh	33.122	3.811	1.900
Tân Phú	8.990	1.100	–
Biên Hòa	84.700	20.346	6.445
<b>Tổng cộng</b>	<b>186.302</b>	<b>44.697</b>	<b>12.851</b>

**Nguồn:** Báo cáo của Sở Giáo dục khu Đông Nam Bộ về giáo dục của các tỉnh năm 1974 - 1975 (Tài liệu lưu trữ của Sở Giáo dục đào tạo tỉnh Đồng Nai).

Trong những ngày lịch sử sôi động của cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1975, ngành Tuyên huấn ở miền Đông đã tiến hành tuyên truyền giáo dục cho cán bộ, đảng viên và nhân dân tư tưởng quyết tâm chiến thắng, thực hiện giải phóng từng vùng, từng nơi, giành quyền làm chủ, giải phóng đến đâu, trường lớp mở ra đến đó.

Trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, dù khó khăn đến đâu, trường, lớp vẫn được mở dưới mọi hình thức, như tập trung trong căn cứ, lớp học phân tán ở nhà dân, thậm chí ngay trong lòng địch... Chính mạng lưới trường lớp linh hoạt này đã tạo nên sức sống mãnh liệt của nền giáo dục cách mạng với tinh

thần “Cách mạng bám dân, thầy bám trường, học sinh bám lớp”.

#### 4. Kết luận

Phát huy những thành quả giáo dục cách mạng trong kháng chiến chống thực dân Pháp, trong hoàn cảnh ác liệt của cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ, giáo dục cách mạng ở vùng Đông Nam Bộ vẫn được duy trì và phát triển mạnh mẽ. Tiểu ban Giáo dục Miền ra đời do yêu cầu của cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện chống Mĩ cứu nước. Sau đó, tiểu ban giáo dục được thành lập ở các tỉnh miền Đông Nam Bộ, đã từng bước xây dựng nền giáo dục cách mạng Đông Nam Bộ đạt được nhiều kết quả.

Bên cạnh đội ngũ giáo viên có sẵn, còn có sự chi viện của miền Bắc. Lòng yêu nước nồng nàn của các thầy cô giáo cách mạng đã vượt qua mọi khó khăn trở ngại, góp phần bồi dưỡng cho con em vùng giải phóng trở thành người hữu ích. Trong quá trình dạy học, những giáo viên này đã bám dân, bám trường lớp, “đội bom, đội đạn” đến từng lớp học, từng nhà dân để “chia chữ” cho trẻ em và người lớn. Họ thật sự là những người chiến sĩ trên mặt trận giáo dục, có thể hy sinh bất cứ lúc nào vì trường lớp là mục tiêu bắn phá của địch.

Xây dựng trường lớp ở các vùng giải phóng là nỗ lực rất lớn của đội ngũ cán bộ giáo viên và quần chúng nhân dân, nơi nào có vùng giải phóng, có dân là có trường lớp. Trường lớp ở vùng giải phóng hoạt động thích ứng từng giai đoạn chiến tranh ác liệt, lớp học được tổ chức thường xuyên, ở bất cứ chỗ nào. Có thể nói, sự nghiệp giáo dục cách mạng ở vùng Đông Nam Bộ liên tục diễn ra, không ngừng nghỉ, ngay cả những lúc chiến tranh ác liệt nhất. Đồng thời, tự sưu tầm sách báo cách mạng để soạn thành Học báo dạy cho con em khi thiếu sách giáo khoa...

Phong trào bình dân học vụ, bổ túc văn hóa đã giúp cho hàng vạn đồng bào, con em vùng Đông Nam Bộ thoát mù chữ, được đào tạo tiếp tục bổ sung lực lượng cho cách mạng, góp phần không nhỏ vào công cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước, thống nhất Tổ quốc. Để có được những thành tựu ấy là do:

*Thứ nhất*, lý tưởng của người dạy và người học trong giai đoạn bước ngoặt lịch sử đầy gian khổ của dân tộc ta là dạy và học để nâng cao trình độ văn hóa, xây dựng một đất nước hoàn toàn độc lập tự do, không bị lệ thuộc vào nước ngoài.

*Thứ hai*, mỗi giáo viên và học sinh đều tạo ra cho mình nhân cách và phẩm chất của người cách mạng chân chính, không giáo điều, không rập khuôn, không theo đường mòn mà luôn tìm tòi sáng tạo, dám nghĩ dám làm để thực hiện lý tưởng của mình trong mọi hoàn cảnh dù khó khăn gian khổ đến đâu.

*Thứ ba*, quan hệ giữa giáo viên với những người xung quanh, với xã hội và gia đình, chính bà con đã thương yêu đùm bọc các mái trường kháng chiến và các giáo viên kháng chiến đã đem ánh sáng văn hóa đến từng người trong mỗi gia đình, cùng tham gia đồng cam cộng khổ với bà con trong xóm. Được dân tin, dân yêu, mái trường thêm ấm áp và vững chắc.

Ngày nay, giáo dục ở vùng Đông Nam Bộ đang tập trung vào cải tiến, đổi mới chương trình, sách giáo khoa, phương pháp dạy - học nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo sao cho giáo dục liên kết chặt chẽ với cuộc sống của nhân dân trong sự nghiệp đổi mới xây dựng đất nước. Phải tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục đủ về số lượng, cơ cấu, có tư tưởng đạo đức tốt, tâm huyết với nghề, có kiến thức và phương pháp sư phạm vững vàng, yêu thương học sinh, giàu nghị lực vượt khó, năng động sáng tạo, không ngừng học hỏi vươn lên,

phù hợp với yêu cầu phát triển của sự nghiệp giáo dục.

Nếu giáo dục cách mạng ở Đông Nam Bộ trong những năm 1954 - 1975 nhằm nâng cao trình độ dân trí ở mức độ tối thiểu biết đọc, biết viết, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ phục vụ cho cách mạng, thì ngày nay, giáo dục phải đào tạo nâng cao dân trí, tạo ra nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn cao nhằm xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Vận dụng những kinh nghiệm của giáo dục cách mạng ở vùng Đông Nam Bộ trong những năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ kết hợp với những chủ trương chính sách của Đảng và điều kiện thực tế ở địa phương để đưa giáo dục miền Đông Nam Bộ phát triển, đảm bảo cho sự phát triển toàn diện thế hệ mai sau, trở thành một yêu cầu cấp bách có ý nghĩa lý luận và thực tiễn sâu sắc./.

---

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- (1) (7) Phòng Bộ Giáo dục (1954 - 1966), *Báo cáo tổng hợp về tình hình giáo dục miền Nam từ 1954 - 1966 của Đảng Đoàn Giáo dục miền Nam*, hồ sơ số: 738, Trung tâm LTQG III, Hà Nội, tờ 45, 54.
- (2) Nguyễn Quốc Bảo và Phạm Thanh Liêm (2012), *Giáo dục giải phóng thời kỳ chống Mỹ cứu nước*, Nxb Giáo dục Việt Nam, Hà Nội, tr.75.
- (3) (5) (8) Phòng Phủ Thủ tướng Mục lục 3, (1970), *Báo cáo của Trung ương Cục miền Nam về tình hình giáo dục của ngụy quyền thời kỳ trước 1970*, hồ sơ số: 18213, Trung tâm LTQG III, Hà Nội, tờ 50, 51, 62.
- (4) *Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam*, 1961, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.17.
- (6) Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Bình Dương, 2004, *Lịch sử giáo dục Bình Dương (từ đầu thế kỷ XX đến 2003)*, tr.47.
- (9) Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Dương, 2010, *Địa chí Bình Dương*, tập 4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.355.
- (10) Nguyễn Tấn Phát (chủ biên), 2004, *Giáo dục cách mạng ở miền Nam giai đoạn 1954 - 1975. Những kinh nghiệm và bài học lịch sử*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.140.
- (11) Hồ Hữu Nhật, 1999, *Lịch sử giáo dục Sài Gòn Thành phố Hồ Chí Minh (1698 - 1998)*, Trung tâm Khoa học xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.126-127.
- (12) Trịnh Nhu (chủ biên), 2002, *Lịch sử Biên niên Xứ ủy Nam Bộ và Trung ương Cục miền Nam (1954 - 1975)*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.1057-1058.